

**UBND TỈNH QUẢNG NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

**XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUY ĐỊNH NỘI
DUNG, MỨC CHI TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN CÁC HOẠT
ĐỘNG KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NAM**

Quảng Nam, ngày tháng năm 2020

Dự thảo

ĐỀ ÁN

Xây dựng Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số nội dung, mức chi từ ngân sách nhà nước thực hiện các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 và Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Điều 10 Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông.

2. Sự cần thiết

Căn cứ Khoản 1, Điều 36 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ: Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: *Xây dựng và ban hành chính sách, định mức kinh tế kỹ thuật về khuyến nông phù hợp với chủ trương, định hướng phát triển của ngành và điều kiện địa phương.*

Căn cứ Điều 10 Thông tư số 75/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về nội dung chi, mức chi hoạt động khuyến nông địa phương: *Căn cứ quy định tại Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ và nội dung chi, mức chi quy định tại Mục 1 Chương II của Thông tư này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định nội dung, mức chi từ ngân sách nhà nước thực hiện các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương và đạt được mục tiêu của khuyến nông ở địa phương.*

3. Quy định đang áp dụng: Hiện nay, việc thực hiện các hoạt động khuyến nông từ nguồn ngân sách tỉnh đang được thực hiện theo Quyết định số 19/2012/QĐ-UBND ngày 02/7/2012 của UBND tỉnh Quảng Nam Quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí địa phương. Quyết định số 19/2012/QĐ-UBND của UBND tỉnh căn cứ Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ về khuyến nông và Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 của Liên tịch Bộ Tài chính – Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đối với hoạt động khuyến nông. Hiện nay Nghị định số 02/2010/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bởi Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP và Thông tư số 75/2019/TT-BTC.

4. Đánh giá kết quả thực hiện công tác khuyến nông trên địa bàn tỉnh thời gian qua theo Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ về khuyến nông và Quyết định số 19/2012/QĐ-UBND ngày 02/7/2012 của UBND tỉnh Quảng Nam từ nguồn ngân sách tỉnh

Nhìn chung, qua việc triển khai thực hiện các chương trình, mô hình khuyến nông trên địa bàn tỉnh trong các năm qua đã giúp đẩy nhanh việc ứng dụng các tiến bộ KH-CN vào sản xuất. Các mô hình đều nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, cho hiệu quả kinh tế cao (tăng hơn so với đối chứng, sản xuất đại trà từ 20-40%). Các mô hình đã và đang được ứng dụng rộng rãi trong sản xuất, góp phần đáng kể vào việc giảm chi phí, tăng hiệu quả sản xuất, bảo vệ môi trường. Trong đó, cũng đã hình thành các mô hình nông dân liên doanh, liên kết với doanh nghiệp tăng hiệu quả kinh tế và sản xuất bền vững.

Công tác thông tin tuyên truyền, tập huấn, đào tạo nghề trong thời gian qua đã đem lại nhiều kết quả, công tác này giúp từng bước chuyển giao cho nông dân các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến về cây trồng, con vật nuôi, trình độ sản xuất của bà con nông dân tăng lên một bước đáng kể, giúp nông dân tự quyết định những vấn đề của chính họ để áp dụng vào điều kiện thực tế và ứng dụng vào sản xuất đem lại hiệu quả cao, nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống và góp phần tăng trưởng kinh tế, xã hội. Một số mô hình, kết quả hoạt động khuyến nông có hiệu quả đã được nhân rộng và áp dụng vào sản xuất thời gian qua như sau:

4.1. Nông nghiệp (Trồng trọt, chăn nuôi): Các mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng như: Trồng thâm canh ngô, lạc tổng hợp trên chân đất lúa chuyển đổi, Mô hình trồng và thâm canh Ngô lai kết hợp công cụ gieo hạt, Mô hình trồng lạc thâm canh tổng hợp kết hợp sử dụng công cụ gieo hạt, Mô hình tưới nước tiết kiệm, Mô hình trồng Măng tây xanh an toàn, Mô hình trồng Ngô nếp xen Đắng sâm, Mô hình chăn nuôi bò thâm canh kết hợp trồng cỏ, chế biến thức ăn ở đồng bằng, Mô hình chăn nuôi ngan địa phương an toàn dịch bệnh,...

4.2. *Thủy sản (khai thác, nuôi trồng)*: Trong lĩnh vực khai thác hải sản có các Mô hình: Ứng dụng máy dò ngang trên tàu khai thác hải sản xa bờ, Mô hình hầm bảo quản sản phẩm bằng vật liệu Polyurethane (PU), Mô hình Ứng dụng đèn LED trên tàu lưới vây ánh sáng và Ứng dụng đèn LED và SOLAR trên tàu chụp mực 4 tầng gông. Các mô hình có hiệu quả nhờ giảm chi phí chuyển biển, tăng sản lượng khai thác, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm hải sản khai thác từ đó nâng cao thu nhập cho người dân và đảm bảo an toàn trong khai thác trên biển như an toàn về điện, hạn chế rủi ro, tai nạn trong thao tác đánh bắt. Với hiệu quả đạt được, đến nay đã có hơn 60 tàu tự bỏ vốn đầu tư lắp máy dò ngang, trên 70 tàu đầu tư xây dựng hầm bảo quản theo công nghệ mới phục vụ sản xuất và tiếp tục được nhân rộng. Trong nuôi trồng một số mô hình thành công đã được nhân rộng như Mô hình nuôi cua thương phẩm từ giống cua bột sản xuất nhân tạo trong ao, Mô hình nuôi ghép tôm (tôm thẻ chân trắng, tôm sú) - cá đối mực, Mô hình nuôi ghép cá rô phi, cá trắm cỏ làm chính trong ao.

4.3. *Lâm nghiệp*: Trong lâm nghiệp, đã tập trung vào xây dựng các mô hình trồng rừng theo hướng khai thác gỗ lớn vì hiện nay có nhiều lợi thế, việc có nhiều nhà máy dăm gỗ ra đời trên địa bàn Quảng Nam và các địa phương lân cận, hình thành chuỗi giá trị gỗ keo dăm đã tạo động lực thúc đẩy người dân trồng rừng keo làm nguyên liệu gỗ dăm và kinh doanh gỗ lớn. Ngoài trồng rừng thâm canh loài cây Keo lai nuôi cây mô, trồng rừng thâm canh loài cây Keo tai tượng ngoại Úc, liên kết với các doanh nghiệp cấp chứng chỉ rừng FSC - Forest Stewardship Council, còn có các mô hình trồng cây lâm sản ngoài gỗ, mây nước, cây dược liệu dưới tán rừng.

4.4. *Công tác tập huấn, thông tin tuyên truyền, đào tạo nghề*: Từ năm 2016 - 2019, đã tổ chức được 26 lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức, kỹ thuật và tập huấn TOT cấp tỉnh về phương pháp, nghiệp vụ khuyến nông và kỹ thuật chuyên ngành cho nông dân, cán bộ khuyến nông các cấp, khuyến nông viên cơ sở, Bộ đội biên phòng ở các đơn vị biên giới, hải đảo, Trưởng ban nông nghiệp các xã nông thôn mới. Nội dung tập huấn tập trung vào việc tuyên truyền thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, các TBKT mới trong các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp. Tổ chức 476 lớp tập huấn kỹ thuật, hội thảo, tổng kết về trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản,... với 19.060 lượt người tham gia và hàng triệu lượt nông dân được tiếp cận thông tin khuyến nông qua các phương tiện thông tin đại chúng. Bên cạnh đó, đã phối hợp với các cơ quan báo, đài thực hiện chương trình truyền thông khuyến nông, trong 5 năm qua đã thực hiện 40 chuyên đề, chuyên mục trên Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh, 128 tuần báo Quảng Nam; trang thông tin điện tử Khuyến nông hoạt động khá hiệu quả, đến nay đã có gần một triệu lượt truy cập và được đánh giá là kênh cung cấp thông tin kịp thời, thiết thực, có hiệu quả đối với hoạt động sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Thường xuyên tổ chức các diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp, Câu lạc bộ Khuyến nông đô thị.

*** Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc và các nguyên nhân:** Bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai thực hiện các hoạt động khuyến nông có những khó khăn, hạn chế cần khắc phục như sau:

- Công tác khuyến nông còn nặng về chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật, chưa quan tâm đúng mức đến vai trò của liên kết sản xuất gắn với thị trường tiêu thụ.

- Tình hình thời tiết diễn biến bất thường, những yếu tố bất lợi cho sản xuất như: rét lạnh, nắng nóng, khô hạn kéo dài, mưa bão, lũ lụt, nhiễm mặn... càng ngày có tần suất xuất hiện ngày một cao nên khó khăn cho việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, nhất là những tiến bộ kỹ thuật mới, chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi mới.

- Mặc dù các năm gần đây, đã bước đầu hình thành môi liên kết trong sản xuất và đem lại hiệu quả rõ rệt nhưng nhìn chung chưa bền vững. Các doanh nghiệp lớn đầu tư vào nông nghiệp, hỗ trợ vào cánh đồng lớn chưa toàn diện, ở một số lĩnh vực doanh nghiệp đầu tư chưa nhiều.

- Vốn đầu tư cho các chương trình còn hạn chế, chưa xây dựng được những vùng chuyên canh, sản xuất hàng hóa gắn với chế biến và tiêu thụ. Đầu ra sản phẩm không ổn định nên có mô hình hiệu quả ở giai đoạn này nhưng ở giai đoạn khác thì hiệu quả thấp, khó nhân rộng. Hàng năm kinh phí địa phương đầu tư cho công tác khuyến nông còn thấp và dàn trải, trong khi đó chưa được lồng ghép các nguồn kinh phí khác cho công tác khuyến nông.

- Lực lượng cán bộ khuyến nông chưa đều khắp, một số huyện không có các cán bộ chuyên ngành ở một số lĩnh vực, cán bộ khuyến nông viên cơ sở không có chuyên môn sâu, nên gặp nhiều khó khăn trong việc nắm bắt tình hình và triển khai các tiến bộ kỹ thuật tới tận người dân. Trong khi, lực lượng khuyến nông viên cơ sở chưa được quan tâm đúng mức.

*** Ngân sách tỉnh đầu tư cho công tác khuyến nông từ năm 2013-2020 tổng cộng là 30.249.766.000 đồng, bình quân của 3 năm 2018-2020 là 4.507.000.000 đồng/năm.**

Mức chi xây dựng mô hình đã thực hiện bình quân trong 3 năm gần đây (2017-2019) do Sở Nông nghiệp và PTNT phê duyệt cho Trung tâm Khuyến nông thực hiện trên tất cả các địa bàn thuộc tỉnh (đã bao gồm cả chi phí triển khai như tập huấn, tham quan, hội thảo đầu bờ...) như sau:

ĐVT: triệu đồng

Loại mô hình	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Bình quân
Trồng trọt	211,52	145,22	191,13	182,62
Chăn nuôi	175,21	165,56	185,00	175,26
Lâm nghiệp	247,91	185,88	199,00	210,90
Thủy sản	220,7	188,63	155,0	188,11

Như vậy, bình quân mỗi mô hình đã thực hiện trong 3 năm gần đây là gần 190 triệu đồng. Trên cơ sở đó đồng thời căn cứ vào nhu cầu, quy mô và giá cả thị trường

hiện tại, Sở Nông nghiệp và PTNT dự thảo mức chi hỗ trợ. Đây là quy định mức chi hoạt động khuyến nông hàng năm từ nguồn ngân sách cấp để triển khai, như vậy là phù hợp.

5. Nhu cầu và định hướng công tác khuyến nông thời gian đến

5.1. Định hướng chung

- Công tác khuyến nông trong thời gian đến không ngừng đổi mới cả nội dung, phương pháp trên cơ sở đúc kết kinh nghiệm trong thời gian qua, khắc phục những khó khăn thách thức, tận dụng tốt nhất những thuận lợi, cơ hội để nâng cao hiệu quả công tác nhằm góp phần tích cực vào sự thành công của Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, định hướng phát triển của Ngành nông nghiệp & PTNT.

- Thực hiện chủ trương chỉ đạo của Tỉnh và Ngành, trong đó đặc biệt bám sát Chương trình hành động của UBND Tỉnh về việc triển khai thực hiện Đề án: “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững” theo Quyết định số 2577/QĐ-UBND ngày 20/8/2013 của UBND tỉnh Quảng Nam, Quyết định số 1384/QĐ-BNN-KH ngày 18/6/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ và Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Công tác khuyến nông cần đầu tư tập trung, có trọng tâm, trọng điểm đồng thời ứng dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất, khuyến nông phải gắn với định hướng thị trường, chú trọng lồng ghép các nguồn kinh phí để tăng nguồn lực khuyến nông, ưu tiên các chương trình, mô hình khuyến nông theo chuỗi, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

5.2. Một số nhiệm vụ trọng tâm: Để đạt được những mục tiêu định hướng như trên, công tác khuyến nông của Tỉnh trong giai đoạn đến cần tập trung một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

a) Công tác thông tin tuyên truyền, đào tạo

- Đổi mới công tác tập huấn, tuyên truyền và đào tạo theo hướng: Khuyến nông tinh tập trung đào tạo, tập huấn TOT cho đội ngũ khuyến nông huyện và cơ sở (cả cán bộ trong hệ thống và ngoài hệ thống khuyến nông); xây dựng các chương trình, chuyên đề, chuyên mục qua báo, đài, cung cấp tài liệu kỹ thuật chung cho cơ sở; khuyến nông huyện và cơ sở tăng cường tập huấn trực tiếp cho nông dân theo chuyên đề (cây trồng, con vật nuôi, thông tin thị trường...), tăng cường phối hợp với Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện, thành phố, đài Phát thanh xã, phường, thị trấn để phổ biến kiến thức kỹ thuật, thông tin giá cả, thị trường cho nông dân.

- Đầu tư xây dựng “Cơ sở dữ liệu khuyến nông” từ tỉnh đến huyện và tích hợp vào Cổng thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp & PTNT Quảng Nam, Cổng thông tin điện tử Khuyến nông Quảng Nam, để có điều kiện khai thác, truy cập phục công

tác xây dựng chiến lược, kế hoạch, chương trình khuyến nông dài hạn, phục vụ chủ trương tái cơ cấu Ngành những năm đến.

- Việc đào tạo bồi dưỡng kỹ năng khuyến nông cho đội ngũ khuyến nông các cấp cần thực hiện thường xuyên để giúp họ cập nhật thông tin, nâng cao kỹ năng hoạt động trong lĩnh vực thông tin - tuyên truyền và đào tạo huấn luyện. Đặc biệt là trong lĩnh vực đào tạo nghề, bên cạnh đòi hỏi phải có kiến thức chuyên môn, giảng viên đứng lớp phải được tham gia các lớp bồi dưỡng kỹ năng dạy học hoặc phương pháp sư phạm nghề để họ có thể đảm nhiệm vai trò giảng viên một cách tốt nhất.

- Đẩy mạnh công tác hỗ trợ doanh nghiệp nông nghiệp, các hoạt động xúc tiến thương mại trong nông nghiệp.

b) Công tác xây dựng mô hình, dự án khuyến nông

- Công tác khuyến nông đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, ưu tiên ứng dụng giống mới, công nghệ sinh học, sản xuất VietGAP và các quy trình công nghệ sản xuất nông sản an toàn, theo hướng công nghệ cao, hữu cơ, thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Trên cơ sở quy hoạch của Tỉnh và các địa phương, cần lựa chọn xây dựng các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ (cho từng đối tượng trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp). Đây là điều kiện để công tác khuyến nông tập trung đồng bộ các giải pháp và ứng dụng đồng bộ khoa học công nghệ tạo ra mô hình sản xuất lớn, sản phẩm hàng hóa bền vững và làm cơ sở nhân rộng trong những năm đến, tạo điều kiện để khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp đầu tư, chú trọng đầu tư các công nghệ tiên tiến, hiện đại trong nông nghiệp, nông thôn.

- Trong năm đến cần tập trung đẩy mạnh nhân rộng các mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, con vật nuôi, thực hiện tốt chủ trương tái cơ cấu ngành Nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, các mô hình liên kết sản xuất nông sản an toàn, sạch, theo hướng hữu cơ trên các lĩnh vực như:

+ Trồng trọt: Đẩy mạnh việc chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả sang trồng thâm canh ngô, lạc theo qui mô cánh đồng lớn, kết hợp sử dụng cơ giới hóa, tưới nước tiết kiệm; Mô hình nông nghiệp đô thị, ven đô thị như Măng tây xanh an toàn, hoa, rau quả an toàn (kết hợp sử dụng hệ thống nhà lưới, tưới nước tiết kiệm, ứng dụng chế phẩm sinh học chế biến phân hữu cơ vi sinh để bón); khôi phục nghề trồng dâu nuôi tằm, phát triển trồng nấm ăn và nấm dược liệu các loại;

+ Chăn nuôi: Mô hình chăn nuôi thâm canh bò lai BBB; mô hình chế biến thức ăn tại chỗ cho heo thịt sử dụng chế phẩm sinh học; chăn nuôi gà thả vườn theo hướng hữu cơ kết hợp chế biến thức ăn tại chỗ; chăn nuôi ngan bản địa sinh sản cho miền núi;

+ Thủy sản: Nuôi cá lồng bè trên sông và hồ thủy lợi, thủy điện: Cá diêu hồng, trắm cỏ, cá thát lát, lăng, leo, chình ở vùng trung du và miền núi, các đối tượng mặn, lợ (cá mú, hồng, dià, bớp) ở vùng ven biển; nuôi luân canh, xen ghép với tôm các đối tượng thủy sản nước lợ ở vùng triều: Cua xanh thương phẩm từ giống cua bột, cá đối mực, dià, măng; mô hình nuôi ốc hương; ứng dụng máy dò ngang, hầm bảo quản sản phẩm bằng vật liệu PU, composite, đèn LED, máy thu lưới thủy lực trên tàu khai thác hải sản xa bờ và hậu cần nghề cá; Chuyển đổi nghề mới khai thác hải sản xa bờ: Chụp mực 4 tầng gông, lưới rê hỗn hợp, lồng bẫy;

+ Lâm nghiệp: Liên kết với các doanh nghiệp, cấp chứng chỉ rừng FSC – Forest Stewardship Council cho các mô hình trồng rừng gỗ lớn; xây dựng các mô hình trồng cây lâm sản ngoài gỗ, mây nước, các loài cây dược liệu dưới tán rừng; nhân rộng mô hình trồng ngô nếp xen Đàng sâm ở vùng miền núi; trồng cây ăn quả trong vườn nhà gắn với xây dựng khu dân cư kiểu mẫu.

- Đẩy mạnh việc ứng dụng các tiến bộ KHKT và công nghệ mới vào sản xuất, đặc biệt là công nghệ sinh học, vi sinh cho cây trồng, con vật nuôi và các giải pháp khoa học công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững, thân thiện với môi trường. Du nhập ứng dụng các giống cây trồng, con vật nuôi mới phù hợp với điều kiện canh tác, thích ứng với BĐKH, cho năng suất, chất lượng và giá trị cao, đi đôi với bảo vệ môi trường.

- Tập trung vào các chương trình phát triển nông nghiệp trọng điểm phù hợp với tập quán sản xuất của từng vùng, miền trong tỉnh nhằm mục đích nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị, tạo ra sản phẩm hàng hóa, đảm bảo ATVSTP và có sức cạnh tranh cao, tăng thu nhập trên một đơn vị diện tích, nâng cao chất lượng cuộc sống cho nông dân và tăng hiệu quả sử dụng đất, mặt nước.

- Tăng cường mối liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản theo Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ, Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 17/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Xây dựng các mô hình liên minh sản xuất, khuyến nông về tổ chức sản xuất. Phát triển các sản phẩm nông nghiệp an toàn, theo hướng hữu cơ gắn với xây dựng, đăng ký nhãn hiệu, thương hiệu hàng hóa, có chứng nhận, truy xuất nguồn gốc nông sản, thực hiện chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP). Đồng thời, đẩy mạnh công tác tuyên truyền thông tin về hội nhập cho nông dân.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Xây dựng Nghị quyết **Quy định về nội dung mức chi hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Quảng Nam** để các cơ quan, đơn vị, tổ chức cá nhân có cơ sở để quản lý, sử dụng và thụ hưởng

nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách nhà nước đảm bảo đúng quy định và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

2. Quan điểm

Xây dựng Nghị quyết **Quy định về nội dung, mức chi hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Quảng Nam** đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, các văn bản quy định về khuyến nông và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

III. NỘI DUNG CỦA NGHỊ QUYẾT

- Quy định nguyên tắc quản lý, sử dụng kinh phí từ ngân sách tỉnh cho các hoạt động khuyến nông.

- Quy định về nội dung và mức chi cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh.

Cụ thể:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

2. Quy định một số nội dung, mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Quảng Nam:

- Nội dung, mức chi cho hoạt động *Bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo*;
- Nội dung, mức chi cho hoạt động *Thông tin tuyên truyền*;
- Nội dung, mức chi cho hoạt động *Xây dựng và nhân rộng mô hình*;
- Nội dung, mức chi cho hoạt động *Tư vấn và dịch vụ khuyến nông*;
- Nội dung, mức chi cho hoạt động *Hợp tác quốc tế về khuyến nông*;
- Và các nội dung chi khác;

3. Quy định chuyển tiếp.

4. Quy định tổ chức thực hiện Nghị quyết.

IV. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

- Căn cứ vào khả năng của ngân sách địa phương.

- Căn cứ vào kết quả và tình hình thực tế trong việc thực hiện các chương trình, dự án khuyến nông thời gian qua trên địa bàn tỉnh.

- Tình hình thực tế và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

- Nguồn kinh phí thực hiện Nghị quyết: Từ nguồn sự nghiệp ngân sách tỉnh hàng năm; từ kinh phí lồng ghép với các chương trình, dự án khác để thực hiện mục

tiêu của khuyến nông và từ nguồn huy động, đóng góp và các nguồn tài chính hợp pháp khác..

- Dự kiến nhu cầu kinh phí thực hiện Nghị quyết: Để thực hiện các nhiệm vụ khuyến nông trong thời gian đến phục vụ cho mục đích thực hiện thành công các nhiệm vụ trọng tâm của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn như thực hiện Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp, thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, chính sách tam nông...cần thiết phải có đầu tư thích ứng cho công tác khuyến nông. Trên cơ sở xem xét nhu cầu và cân đối từ ngân sách, dự kiến đảm bảo kinh phí cho hoạt động khuyến nông hàng năm tối thiểu khoảng 24 tỷ đồng/năm, trong đó:

- Ngân sách cấp tỉnh: tối thiểu 06 tỷ đồng/năm;

- Ngân sách cấp huyện: 18 tỷ đồng/năm (bình quân mỗi huyện, thị, thành phố khoảng 01 tỷ đồng/năm).

V. KẾT LUẬN: Việc xây dựng Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh ***Quy định về nội dung, mức chi hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Quảng Nam*** là cần thiết để có cơ sở pháp lý thực hiện các hoạt động khuyến nông đúng nội dung, mục đích và đạt hiệu quả góp phần vào việc thực hiện thành công Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp trong thời gian đến.

Kính đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thẩm tra và ban hành Nghị quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: NN&PTNT, TC.
- Lưu: VT, KTTH, TH, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phụ lục. So sánh nội dung, mức chi đang thực hiện theo Quyết định số 19/2012/QĐ-UBND, quy định tại Thông tư số 75/2019/TT-BTC với dự thảo Nghị quyết - Cơ sở xây dựng nội dung, mức chi của Nghị quyết

Nội dung/ mức chi	Mức đang thực hiện theo Quyết định số 19/2012/QĐ-UBND	Theo Thông tư số 75/2019/TT-BTC	Nội dung đề xuất trong Dự thảo Nghị quyết
1. Bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo			
1.1. Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn	Đã bao gồm trong thù lao giảng viên	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số <u>76/2018/TT-BTC</u> ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số <u>76/2018/TT-BTC</u> ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.
1.2. Chi thù lao giảng viên, trợ giảng; phụ cấp tiền ăn giảng viên, trợ giảng; chi phí đưa, đón, bố trí nơi ở cho giảng viên, trợ giảng; chi thù lao hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật	<p>Từ 120.000 đồng/buổi đến không quá 500.000 đồng/buổi tùy theo chức vụ, cấp hành chính, cấp học hàm, học vị.</p> <p>Chi đi lại, bố trí nơi ở cho giảng viên, báo cáo viên: thực hiện theo quy định chế độ công tác phí UBND tỉnh quy định.</p>	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số <u>36/2018/TT-BTC</u> ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.	Theo Nghị quyết số <u>52/2018/NQ-HĐND</u> ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. Theo đó, mức chi thù lao từ 500.000 đồng/buổi đến tối đa không quá 2.000.000 đồng/buổi.
1.3. Chi hỗ trợ người tham dự tập huấn (nhận chuyển giao công nghệ)			
1.3.1. Người nông dân sản	- Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học.	- Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao	- Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao

<p>xuất nhô, nông dân sản xuất hàng hoá, nông dân thuộc diện hộ nghèo; xã viên Tổ hợp tác, xã viên Hợp tác xã</p>	<p>- Hỗ trợ tiền ăn: 25.000 đồng/ngày – 70.000 đồng/ngày tùy nơi tổ chức. - Chỗ ở: Đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở miễn phí cho các học viên.</p>	<p>gồm tài liệu tham khảo). - Hỗ trợ tối đa 100% chi phí tiền ăn theo mức quy định tại Thông tư số <u>40/2017/TT-BTC</u> của Bộ Tài chính. - Hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đ/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng bãi ngang, xã đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đ/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên. - Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại Thông tư <u>40/2017/TT-BTC</u> của Bộ Tài chính.</p>	<p>gồm tài liệu tham khảo). - Hỗ trợ tiền ăn 150.000 đồng/người/ngày; hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng bãi ngang, xã đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND.</p>
<p>1.3.2. Nông dân là chủ trang trại, công nhân nông - lâm trường</p>	<p>- Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học. - Hỗ trợ tiền ăn và tiền đi lại: Hỗ trợ 50% mức hỗ trợ đối tượng 1.3.1.</p>	<p>- Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo). - Hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại tối đa không quá 50% mức quy định đối với đối tượng 1.3.1. - Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì</p>	<p>- Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo). - Hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại tối đa không quá 50% mức quy định đối với đối tượng 1.3.1. - Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì</p>

		đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 50% chi phí theo quy định tại Thông tư số <u>40/2017/TT-BTC</u> của Bộ Tài chính.	đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 50% chi phí theo quy định tại Nghị quyết 20/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.
1.3.3. Người sản xuất là công nhân doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông	Được hỗ trợ 50% chi phí tài liệu học khi tham dự đào tạo.	Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông được hỗ trợ 50% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo) khi tham dự đào tạo.	Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông được hỗ trợ 50% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo) khi tham dự đào tạo.
1.4. Chi hỗ trợ người hoạt động khuyến nông tham dự tập huấn (người chuyển giao công nghệ)			
1.4.1. Đối với đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học. - Chỗ ở: Đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở miễn phí cho các học viên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo). - Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ, gồm chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại Thông tư số <u>40/2017/TT-BTC</u> của Bộ Tài chính. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo). - Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ, gồm chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại Nghị quyết 20/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.
1.4.2. Đối với đối tượng không hưởng lương từ	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học. - Hỗ trợ tiền ăn: Từ 	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham 	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham

<p>ngân sách nhà nước</p>	<p>25.000 đồng/ngày đến 70.000 đồng/ngày.</p> <p>- Tiền đi lại theo giá cước phương tiện giao thông công cộng của đơn vị kinh doanh vận tải hành khách đối với người học xa nơi cư trú từ 15 km trở lên. Trường hợp, ở những nơi không có phương tiện giao thông công cộng thì thanh toán theo số km thực tế từ nơi cư trú đến nơi tham gia học tập và ngược lại, với mức 1.000 đồng/km (Mỗi người được thanh toán lượt đi và về cho một khóa học) và mức tối đa không quá 200.000 đồng/người/khóa học.</p> <p>- Chỗ ở: Đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở miễn phí cho các học viên.</p>	<p>khảo).</p> <p>- Hỗ trợ tối đa 100% chi phí tiền ăn theo mức quy định tại Thông tư số <u>40/2017/TT-BTC</u> của Bộ Tài chính.</p> <p>- Hỗ trợ tiền đi lại là 200.000đ/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng bãi ngang, xã đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000đ/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại Thông tư số <u>40/2017/TT-BTC</u> của Bộ Tài chính.</p>	<p>khảo).</p> <p>- Hỗ trợ tiền ăn 150.000 đồng/người/ngày; hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng bãi ngang, xã đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND.</p>
<p>1.4. Chi khảo sát, học tập trong và ngoài nước</p>	<p>Theo quy định hiện hành</p>	<p>Theo quy định công tác phí hiện hành (Thông tư số <u>40/2017/TT-BTC</u> của Bộ Tài chính).</p>	<p>Theo quy định công tác phí hiện hành (Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND).</p>
<p>2.Thông tin tuyên truyền</p>			
<p>2.1. Nội dung và hình thức</p>	<p>Truyền thông khuyến nông; Diễn đàn khuyến nông;</p>	<p>a) Qua hệ thống truyền thông đại chúng; b) Xuất bản tạp chí, tài</p>	<p>a) Qua hệ thống truyền thông đại chúng; b) Xuất bản tạp chí, tài</p>

	Hội nghị, Hội chợ, triển lãm, hội thi; Xây dựng và quản lý dữ liệu hệ thống thông tin khuyến nông.	liệu và các loại ấn phẩm khuyến nông; c) Tổ chức các sự kiện khuyến nông: hội nghị, hội thảo, hội thi, hội chợ, triển lãm, tham quan học tập, diễn đàn, tọa đàm; d) Bản tin, trang thông tin điện tử khuyến nông; đ) Các phương thức truyền thông khác theo quy định của pháp luật hiện hành.	liệu và các loại ấn phẩm khuyến nông; c) Tổ chức các sự kiện khuyến nông: hội nghị, hội thảo, hội thi, hội chợ, triển lãm, tham quan học tập, diễn đàn, tọa đàm; d) Bản tin, trang thông tin điện tử khuyến nông; đ) Các phương thức truyền thông khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
2.2. Nội dung và mức chi	<ul style="list-style-type: none"> - Chi theo quy định về tổ chức hội nghị, hội thảo; - Chi theo quy định về chế độ công tác phí đối với các hoạt động di lại, ăn, nghỉ khi tham gia các sự kiện; - Chi theo thực tế đúng với các quy định hiện hành. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chi theo quy định về tổ chức hội nghị, hội thảo; - Chi theo quy định về chế độ công tác phí đối với các hoạt động di lại, ăn, nghỉ khi tham gia các sự kiện; - Chi theo thực tế đúng với các quy định hiện hành. - Riêng mức chi chủ tọa và ban cố vấn, báo cáo viên, bồi dưỡng viết báo cáo diễn đàn, tọa đàm, hội thảo được vận dụng mức chi quy định tại Khoản 5 Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chi theo quy định về tổ chức hội nghị, hội thảo; - Chi theo quy định về chế độ công tác phí đối với các hoạt động di lại, ăn, nghỉ khi tham gia các sự kiện; - Chi hội chợ, triển lãm: Hỗ trợ tối đa 100% chi phí thuê gian hàng; chi thông tin tuyên truyền hội chợ, chi hoạt động của Ban tổ chức (đối với tổ chức Hội chợ, triển lãm tại tỉnh). Hỗ trợ 100% chi phí tham gia các hội chợ, triển lãm gồm các khoản chi phí hợp lý: thuê mặt bằng và thiết kế; dịch vụ phục vụ (điện, nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ); trang trí chung hội chợ triển lãm. Mức hỗ trợ tối đa cho nội dung này không quá 02 gian hàng/01 đơn vị tham gia. - Riêng mức chi chủ tọa và ban cố vấn, báo cáo viên, bồi dưỡng viết báo cáo diễn đàn, tọa đàm, hội thảo được vận dụng mức chi quy định

			tại Khoản 5 Điều 6 Quyết định 07/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh.
3. Xây dựng và nhân rộng mô hình			
3.1. Xây dựng mô hình			
3.1.1. Ở địa bàn khó khăn:	Hỗ trợ 100% chi phí mua giống và các vật tư thiết yếu (bao gồm: các loại phân bón, hóa chất, thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản)	Hỗ trợ tối đa 100% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình	Hỗ trợ tối đa 100% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình nhưng không quá 300 triệu đồng/mô hình đối với mô hình do cấp tỉnh phê duyệt; không quá 200 triệu đồng/mô hình đối với mô hình do cấp huyện phê duyệt.
3.1.2. Ở địa bàn trung du miền núi thuộc vùng có hệ số phụ cấp khu vực, bãi ngang	Hỗ trợ 100% chi phí mua giống và 50% chi phí mua vật tư thiết yếu;	Hỗ trợ tối đa 70% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình.	Hỗ trợ tối đa 70% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình nhưng không quá 250 triệu đồng/mô hình đối với mô hình do cấp tỉnh phê duyệt; không quá 150 triệu đồng/mô hình đối với mô hình do cấp huyện phê duyệt.
3.1.3 Ở địa bàn còn lại	Hỗ trợ 100% chi phí mua giống và 30% chi phí mua vật tư thiết yếu.	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình;	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình nhưng không quá 200 triệu đồng/mô hình đối với mô hình do cấp tỉnh phê duyệt; không quá 100 triệu đồng/mô hình đối với mô hình do cấp huyện phê duyệt.

3.1.4. Mô hình ứng dụng công nghệ cao	Hỗ trợ tối đa 30% tổng chi phí thực hiện mô hình, nhưng không quá 160 triệu đồng/mô hình.	Hỗ trợ tối đa 40% tổng kinh phí thực hiện mô hình.	Hỗ trợ tối đa 40% tổng kinh phí thực hiện mô hình, tối đa 400 triệu đồng/mô hình ở tất cả địa bàn.
3.1.5. Hỗ trợ chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh khi tham gia xây dựng mô hình theo quy định hiện hành (đối với tất cả các loại mô hình).	Không có	Hỗ trợ tối đa 100% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh khi tham gia xây dựng mô hình theo quy định hiện hành (đối với tất cả các loại mô hình).	Hỗ trợ tối đa 100% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh khi tham gia xây dựng mô hình theo quy định hiện hành (đối với tất cả các loại mô hình).
3.2. Nhân rộng mô hình	<p>Nội dung: Thông tin, tuyên truyền, quảng cáo, hội nghị đầu bờ.</p> <p>Mức chi: Theo thực tế đảm bảo chế độ, định mức, nguyên tắc hiện hành và chứng từ hợp pháp nhưng tối đa không quá 15 triệu đồng/1 mô hình điển hình sản xuất tiên tiến.</p>	Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí tổ chức đào tạo, tập huấn, thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập để nhân rộng mô hình. Nội dung chi như phần tập huấn, đào tạo và thông tin, tuyên truyền.	Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí tổ chức đào tạo, tập huấn, thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập để nhân rộng mô hình. Nội dung chi như phần tập huấn, đào tạo và thông tin, tuyên truyền.
3.3. Chi tập huấn kỹ thuật, sơ kết, tổng kết mô hình	Tập huấn cho người tham gia mô hình, tổng kết mô hình và chi khác (nếu có) chi theo thực tế đảm bảo chế độ, định mức quy định hiện hành và chứng từ hợp pháp nhưng tối đa không quá 12 triệu đồng/mô hình. Riêng mô hình công nghệ cao tối đa không quá 15 triệu đồng/mô hình. Trong đó, mức chi hỗ trợ tiền ăn cho người tham gia tập huấn 25.000 đ/người/ngày.	<p>- Chi tài liệu, văn phòng phẩm, vật tư thực hành, thuê hội trường, trang thiết bị phục vụ, xăng xe, thuê xe. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành và hợp đồng với nhà cung cấp được lựa chọn.</p> <p>- Chi hỗ trợ tiền ăn: theo quy định như tập huấn, đào tạo đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ; chi hỗ trợ tiền nước uống theo quy định chi Hội nghị tại Thông tư số</p>	<p>- Chi tài liệu, văn phòng phẩm, vật tư thực hành, thuê hội trường, trang thiết bị phục vụ, xăng xe, thuê xe. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành và hợp đồng với nhà cung cấp được lựa chọn.</p> <p>- Chi hỗ trợ tiền ăn: theo quy định như tập huấn, đào tạo đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ; chi hỗ trợ tiền nước uống theo quy định chi Hội nghị tại Nghị quyết số</p>

		40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính. - Chi bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên (đã bao gồm biên soạn tài liệu). Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC .	20/2017/NQ-HĐND. - Chi bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên (đã bao gồm biên soạn tài liệu). Mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 52/2018/NQ-HĐND.
3.4. Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn	Tính bằng mức lương cơ sở/22 ngày nhân (x) số ngày thực tế thuê	Tính bằng mức lương cơ sở/22 ngày nhân (x) số ngày thực tế thuê	Tính bằng mức lương cơ sở/22 ngày nhân (x) số ngày thực tế thuê
4. Tư vấn và dịch vụ khuyến nông	Mức chi theo hợp đồng thực tế thỏa thuận với chuyên gia bảo đảm phù hợp giữa yêu cầu của công việc và trình độ của chuyên gia.	a) Đối với tư vấn thông qua đào tạo, tập huấn, diễn đàn, tọa đàm: Mức chi thực hiện theo quy định bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo. b) Đối với tư vấn thông qua các phương tiện truyền thông, diễn đàn, tọa đàm: Mức chi thực hiện theo quy định tại phần thông tin tuyên truyền. c) Đối với tư vấn trực tiếp, tư vấn và dịch vụ thông qua thỏa thuận, hợp đồng: Mức chi thực hiện theo thỏa thuận, hợp đồng căn cứ quy định pháp luật liên quan.	a) Đối với tư vấn thông qua đào tạo, tập huấn, diễn đàn, tọa đàm: Mức chi thực hiện theo quy định bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo. b) Đối với tư vấn thông qua các phương tiện truyền thông, diễn đàn, tọa đàm: Mức chi thực hiện theo quy định tại phần thông tin tuyên truyền. c) Đối với tư vấn trực tiếp, tư vấn và dịch vụ thông qua thỏa thuận, hợp đồng: Mức chi thực hiện theo thỏa thuận, hợp đồng căn cứ quy định pháp luật liên quan.
5. Hợp tác quốc tế về khuyến nông	Không quy định	a) Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành, theo các hiệp định, nghị định thư hoặc thỏa thuận, hợp đồng chuyển giao công nghệ giữa các tổ chức, cá nhân trong nước với các tổ chức, cá nhân nước ngoài. b) Đón tiếp các đoàn khách nước ngoài vào	a) Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành, theo các hiệp định, nghị định thư hoặc thỏa thuận, hợp đồng chuyển giao công nghệ giữa các tổ chức, cá nhân trong nước với các tổ chức, cá nhân nước ngoài. b) Đón tiếp các đoàn khách nước ngoài vào

		làm việc: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ chi tiếp khách trong nước.	làm việc: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chế độ chi tổ chức đàm phán và chế độ chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.
6. Chi khác			
6.1. Thuê chuyên gia phục vụ hoạt động khuyến nông, đánh giá hiệu quả hoạt động khuyến nông	Mức chi theo hợp đồng thực tế thỏa thuận với chuyên gia bảo đảm phù hợp giữa yêu cầu của công việc và trình độ của chuyên gia.	Áp dụng theo Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước.	Áp dụng theo Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước.
6.2. Mua bản quyền tác giả, công nghệ mới	Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt trước khi thực hiện.	Mức chi theo hợp đồng hoặc thỏa thuận giữa các bên liên quan theo quy định pháp luật.	Mức chi theo hợp đồng hoặc thỏa thuận giữa các bên liên quan theo quy định pháp luật.
6.3. Mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khuyến nông	Thực hiện theo quy định hiện hành và trong phạm vi dự toán ngân sách giao hằng năm.	Thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
6.4. Chi phí quản lý	a. Cơ quan quản lý kinh phí khuyến nông: Sử dụng nguồn kinh phí ngân sách giao theo định mức (tự chủ) và ngoài định mức (đặc thù)	a) Cơ quan quản lý khuyến nông được trích tối đa 3% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để phục vụ	a) Cơ quan quản lý khuyến nông được trích 2% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để phục vụ công tác

	<p>b. Đơn vị, tổ chức thực hiện mô hình khuyến nông</p> <p>- Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện mô hình khuyến nông: Sử dụng nguồn kinh phí thường xuyên (tự chủ) và không thường xuyên (đặc thù nếu có) ngân sách giao hằng năm để chi công tác xây dựng các mô hình, chương trình, dự án; quản lý, kiểm tra, giám sát, chi khác (nếu có).</p> <p>- Đơn vị, tổ chức ngoài công lập, người hoạt động khuyến nông, người sản xuất thực hiện mô hình khuyến nông: Ngân sách phân bổ không quá 3% (riêng địa bàn khó khăn, thuộc huyện nghèo không quá 4%) trên tổng mức kinh phí đầu thầu hoặc xét chọn thực hiện mô hình, dự án khuyến nông để chi công tác quản lý, kiểm tra, giám sát, chi khác (nếu có).</p>	<p>công tác quản lý khuyến nông, báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung và kinh phí trước khi thực hiện.</p> <p>b) Tổ chức chủ trì và đơn vị triển khai thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông được trích tối đa 5% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để chi cho công tác tổ chức thực hiện, quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, quyết toán và chi khác. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành.</p>	<p>quản lý khuyến nông, báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung và kinh phí trước khi thực hiện.</p> <p>b) Tổ chức chủ trì và đơn vị triển khai thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông được trích tối đa 3% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để chi cho công tác tổ chức thực hiện, quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, quyết toán và chi khác. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành.</p>
--	---	---	--